

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu, xóm nông thôn mới kiểu mẫu và hộ gia đình nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 09/TTr-VPĐP ngày 11/5/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ tiêu chí và Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu, xóm nông thôn mới kiểu mẫu và hộ gia đình nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các xã

1. Các Sở, ngành được giao phụ trách chỉ tiêu, tiêu chí:

- Chủ động hướng dẫn thực hiện, đánh giá, thẩm định tiêu chí do cơ quan, đơn vị được giao phụ trách theo hướng dẫn của các Bộ, Ban, ngành Trung ương và quy định của tỉnh.

- Phối hợp với các huyện, thành phố, thị xã rà soát, đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh.

2. Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh:

- Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan tổng hợp, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai, thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh, giai đoạn 2017-2020.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan được giao phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí hướng dẫn các huyện, thành phố, thị xã trong công tác đánh giá các tiêu chí, thẩm tra, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu hàng năm theo đúng quy định của Trung ương và của tỉnh.

3. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

- Căn cứ quy định của tỉnh, phối hợp với các Sở, Ban, ngành phụ trách tiêu chí để triển khai, tổ chức thực hiện, thẩm tra và trình thẩm định đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh, giai đoạn 2017-2020.

- Hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh giai đoạn 2017-2020.

- Hàng năm, UBND các huyện, thị xã, thành phố rà soát, đánh giá từng tiêu chí của các xã trên địa bàn, quyết định công nhận các tiêu chí đạt chuẩn trước ngày 20/12.

4. UBND, Ban Chỉ đạo nông thôn mới các xã:

- Căn cứ quy định của tỉnh, điều kiện cụ thể của địa phương, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai, tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh, giai đoạn 2017-2020; “Xóm nông thôn mới kiểu mẫu”, “Hộ gia đình nông thôn mới” đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Hàng năm rà soát, đánh giá mức độ đạt của từng tiêu chí theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh, giai đoạn 2017-2020, có trách nhiệm tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được trong thời gian tiếp theo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Văn phòng ĐP NTM TW (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Các tổ chức đoàn thể của tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, TH.

Bachdt, 14/3/17, 80b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc

BỘ TIÊU CHÍ XÂY DỰNG KINH TẾ - XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



I. QUY HOẠCH

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chi tiêu của tỉnh Thái Nguyên		Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
			Xã nông thôn mới	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ^[1] được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	Đạt (Có quy hoạch chi tiết: Khu trung tâm xã, vùng sản xuất tập trung, nghĩa trang).	Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường
		1.2. Ban hành quy định quản lý các quy hoạch của xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh Thái Nguyên		Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
			Xã nông thôn mới	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100% là đường nhựa hoặc bê tông; chiều rộng nền đường ≥ 5m (6,5m) ; chiều rộng mặt đường ≥ 3,5 m (3,5m), chiều rộng lề đường mỗi bên ≥ 0,75m (1,5m); chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT; có các loại biển báo giao thông theo quy định [2].	Có ít nhất một tuyến đường kiểu mẫu với quy mô tối thiểu như sau: - Chiều rộng nền đường ≥ 7,5 m; chiều rộng mặt đường ≥ 6,5 m; chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải. - Có các loại biển báo giao thông theo quy định, có cây xanh, cây bóng mát hai bên đường.	Sở Giao thông Vận tải

[1] Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

[2] Kích thước nền, lề, mặt đường ghi trong ngoặc đơn áp dụng với các xã trực thuộc thành phố, xã được quy hoạch nâng lên thị trấn hoặc quy hoạch nâng lên phường trực thuộc thị xã.

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh Thái Nguyên			Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
			Xã nông thôn mới	Xã nông thôn mới kiểu mẫu		
2	Giao thông	2.2. Đường trục xóm và đường liên xóm ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100% cứng hóa (≥60% là đường nhựa hoặc bê tông quy mô đường: Chiều rộng nền đường ≥ 4 m (5 m); chiều rộng mặt đường ≥ 3 m (3,5 m), chiều rộng lề đường mỗi bên ≥ 0,5 m (0,75 m), từ 200m - 300 m phải có điểm tránh xe ô tô, chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải).		Sở Giao thông Vận tải	
			100% (≥65% cứng hóa: chiều rộng nền đường ≥ 4 m; chiều rộng mặt đường ≥ 3 m, chiều rộng lề đường mỗi bên ≥ 0,5 m, từ 200m - 300 m có điểm tránh xe ô tô, chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải).			
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lấy lợi vào mùa mưa.				
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	100% (≥20% cứng hóa: chiều rộng nền đường ≥ 4 m; chiều rộng mặt đường ≥ 3 m, chiều rộng lề đường mỗi bên ≥ 0,5 m, từ 200m - 300 m có điểm tránh xe ô tô, chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải).			
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	≥80%	90%	Sở Nông nghiệp và PTNT	
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt		



STT	Tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh Thái Nguyên		Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		Xã nông thôn mới	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	
4	Điện	Đạt	Đạt	Sở Công Thương
	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương.			
	4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	≥95%	100% (Ở các tuyến đường liên xã, liên xóm đông dân cư có hệ thống điện chiếu sáng).	
5	Trường học	≥70%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.			
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Đạt (Diện tích đất quy hoạch đối với hội trường văn hóa đa năng tối thiểu 300m ² (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 100m ²); Khu thể thao tối thiểu đạt 1.200m ² (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 100 chỗ ngồi), có từ 04 phòng chức năng trở lên).	Đạt (Nhà văn hóa và khu thể thao của xã có bộ máy quản lý, Quy chế và Kế hoạch hoạt động hiệu quả (có ít nhất 01 loại hình câu lạc bộ hoạt động) thu hút người dân tham gia phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục – thể thao).	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.			
	6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. ^[9]	Đạt	Đạt	
	6.3. Tỷ lệ xóm có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	100% (Diện tích đất quy hoạch đối với nhà văn hóa tối thiểu 200m ² (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 100m ²); Khu thể thao tối thiểu đạt 300m ² (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 200m ²); Quy mô xây dựng nhà văn hóa tối thiểu 80 chỗ ngồi (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 50 chỗ ngồi).	100% (Nhà văn hóa và khu thể thao của xóm có bộ máy quản lý, Quy chế và Kế hoạch hoạt động hiệu quả (có ít nhất 01 loại hình câu lạc bộ hoạt động) thu hút người dân tham gia phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục – thể thao).	

[3] Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh Thái Nguyên		Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
			Xã nông thôn mới	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.	Đạt	Đạt	Sở Công Thương
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.	Đạt	Đạt	Sở Thông tin & Truyền thông
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.	Đạt	Đạt	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các xóm.	Đạt	Đạt	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	Đạt	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát.	Không	Không	Sở Xây dựng
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	≥75%	≥85%	

III. KINH TẾ VÀ TÓ CHỨC SẢN XUẤT

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh Thái Nguyên		Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
			Xã nông thôn mới	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người).	năm 2017 ≥ 26 tr.đ/năm; năm 2018 ≥ 29 tr.đ/năm, năm 2019 ≥ 32 tr.đ/năm; năm 2020 ≥ 36 tr.đ/năm	năm 2017 ≥ 30 tr.đ/năm; năm 2018 ≥ 35 tr.đ/năm; năm 2019 ≥ 40 tr.đ/năm; năm 2020 ≥ 45 tr.đ/năm	Cục Thống kê tỉnh
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020.	≤12%	≤6%	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥90%	≥90%	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

STT	Tiêu chí		Chỉ tiêu của tỉnh Thái Nguyên		Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
			Xã nông thôn mới	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	
13	Tổ chức sản xuất	 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.	Đạt	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Y tế, Liên minh hợp tác xã
			Đạt	(Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012; sản xuất các sản phẩm chủ lực, doanh thu đạt ≥ 3 tỷ VNĐ, Hợp tác xã phải có tối thiểu 30 thành viên đối với xã thuộc khu vực I; 25 thành viên đối với xã khu vực II; 20 thành viên đối với xã khu vực III). Đạt (Xã có mô hình cảnh đồng mẫu lớn, sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, thực hiện theo chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm được chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm hoặc chứng nhận VIETGAP).	

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh Thái Nguyên		Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
			Xã nông thôn mới	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.	Đạt	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	$\geq 80\%$	$\geq 90\%$	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	$\geq 25\%$	$\geq 30\%$	
		15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	$\geq 85\%$	$\geq 85\%$	
15	Y tế	15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt	Đạt	Sở Y tế
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 26,7\%$	$\leq 20\%$	

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh Thái Nguyên		Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
			Xã nông thôn mới	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	
16	Văn hóa	Tỷ lệ xóm đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.	Đạt	2017 - 2018: có 70% số xóm đạt xóm văn hóa 02 năm liên tục trở lên; 2019-2020: có 70% số xóm đạt xóm văn hóa 03 năm liên tục trở lên.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	≥90% (≥50% nước sạch)	≥90% (≥60% nước sạch)	Sở Nông nghiệp và PTNT
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	100%	Sở Tài nguyên và MT chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	Đạt (Rác thải sinh hoạt được phân loại, xử lý sơ bộ tại hộ gia đình (rác vỏ cơ, hữu cơ). Các đoạn đường liên xóm, liên xã được đăng ký và thực hiện "Đoạn đường xanh, sạch, đẹp").	Sở Tài nguyên và MT
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt	Đạt (Nghĩa trang được xây dựng đảm bảo cảnh quan và môi trường).	Sở xây dựng
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt	Sở Tài nguyên và MT
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ^[4] .	≥70%	≥90%	Sở Y tế
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥60%	≥60%	Sở Nông nghiệp và PTNT
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	Sở Y tế

[4] Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ



STT	Tiêu chí	Chỉ tiêu của tỉnh Thái Nguyên		Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
		Xã nông thôn mới	Xã nông thôn mới kiểu mẫu	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức đạt chuẩn	Đạt	Sở Nội vụ
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".	Đạt	
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	100%	
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	Sở Tư pháp
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa, TT và DL, Sở Nội vụ
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giám liên tục so với các năm trước.	Đạt	Công an tỉnh

QUỐC HỘI VIỆT NAM
ỦY BAN CHỨNG CHẤM CÔNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
 (Kèm theo Quy chế công tác của Ủy ban Chứng chấ Công nông thôn mới kiểu mẫu)
 UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
1	Giao thông	- 100 % đường trục xóm và đường liên xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (quy mô: Chiều rộng nền đường ≥ 4 m (5 m); chiều rộng mặt đường ≥ 3 m (3,5 m), chiều rộng lề đường mỗi bên $\geq 0,5$ m (0,75 m), khoảng 200m – 300m phải bố trí điểm tránh xe ô tô, chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, có các loại biển báo giao thông theo quy định)⁽¹⁾. - Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa được cứng hóa đạt 100% (trong đó $\geq 70\%$ là đường nhựa hoặc bê tông: chiều rộng nền đường ≥ 4 m; chiều rộng mặt đường ≥ 3 m, chiều rộng lề đường mỗi bên $\geq 0,5$ m, khoảng 200m - 300 m có điểm tránh xe ô tô, chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT). - Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 100% cứng hóa (trong đó $\geq 50\%$ là đường nhựa hoặc bê tông: chiều rộng nền đường ≥ 4 m; chiều rộng mặt đường ≥ 3 m, chiều rộng lề đường mỗi bên $\geq 0,5$ m, khoảng 200m - 300 m có điểm tránh xe ô tô, chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT). - Có tổ tự quản của xóm hoạt động hiệu quả, thường xuyên quản lý, duy tu, bảo dưỡng đường theo quy định. Cắm mốc lộ giới đầy đủ theo quy hoạch được duyệt. Các đoạn đường xóm, liên xóm được đăng ký và thực hiện “Đoạn đường xanh, sạch, đẹp”. - Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Công Thương, chất lượng điện đảm bảo sự ổn định của điện áp trong mức cho phép. - 100% hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện. - Ở nơi khu dân cư tập trung, các tuyến đường trục xóm và liên xóm có hệ thống điện chiếu sáng.	Sở Giao thông vận tải
2	Điện		Sở Công Thương

(1) Kích thước nền, lề, mặt đường ghi trong ngoặc đơn áp dụng với các xã trực thuộc thành phố, xã được quy hoạch nâng lên thị trấn hoặc quy hoạch nâng lên phường trực thuộc thị xã.

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
3	Nhà ở	- Không có nhà tạm, nhà dột nát; $\geq 85\%$ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng.	Sở Xây dựng phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT
4	Hộ nghèo	- Không còn hộ nghèo	Sở Lao động, TB&XH
5	Văn hóa, giáo dục, y tế	Văn hóa: - Xóm được công nhận và giữ vững danh hiệu “Xóm văn hóa” 2 năm liền trở lên. - $\geq 90\%$ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Người dân ứng xử văn minh, lịch sự; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nhà văn hóa xóm: - Diện tích đất quy hoạch đối với nhà văn hóa tối thiểu 200m²; Quy mô xây dựng nhà văn hóa tối thiểu 80 chỗ ngồi. Có công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn quy định. Nhà văn hóa xóm có tường rào, cổng ngõ; khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh, trồng hoa. - Nhà văn hóa và khu thể thao của xóm có Quy chế và Kế hoạch hoạt động hiệu quả (có ít nhất 01 loại hình câu lạc bộ hoạt động) thu hút người dân tham gia phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục – thể thao. - Có tủ sách có ít nhất 100 đầu sách; hệ thống âm thanh và trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ. - Trong khuôn viên nhà văn hóa có bồn hoa. Diện tích trồng cây xanh, trồng hoa của nhà văn hóa xóm tối thiểu là 20% (phần diện tích đất trống của khuôn viên nhà văn hóa xóm sau khi bố trí các hạng mục cần thiết khác). - Hệ thống truyền thanh đến được mọi nhà trong xóm; có hệ thống âm thanh, ánh sáng và các trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ. Khu thể thao xóm: - Có khu thể thao xóm diện tích tối thiểu đạt 300m², Có một số dụng cụ luyện tập thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương. - Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao đáp ứng nhu cầu người dân địa phương; thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
5	Văn hóa, giáo dục, y tế	 Giáo dục: - 100% trẻ 6 tuổi vào học; hoàn thành chương trình tiêu học vào học THCS. - Không có học sinh bỏ học; không có học sinh xếp loại học lực yếu (đối với cấp học có xếp loại); học sinh xếp loại đạo đức khá trở lên. Có xây dựng quỹ khuyến học và quản lý, sử dụng tốt quỹ khuyến học. Y tế: - Có tối thiểu 1 nhân viên y tế được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao. 85% người dân trong xóm tham gia BHYT. 100% hộ dân trong xóm có tủ thuốc y tế gia đình.	Sở Y tế
6	Môi trường	- 100% hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh trong đó 60% sử dụng nước sạch theo quy định. - Có tổ vệ sinh môi trường, 100% hộ dân tham gia dịch vụ vệ sinh môi trường, rác thải được phân loại ngay từ hộ gia đình (hữu cơ và vô cơ; có túi hoặc thùng ghi rõ loại rác). - Có hệ thống xử lý tự thấm hoặc mương thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường. Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. - 100% hộ gia đình đều có ý thức, tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; không vứt rác bừa bãi, xác động vật chết ra môi trường. - 100% hộ, cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. - 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. - Định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng có tổ chức làm vệ sinh chung toàn xóm.	Sở Tài nguyên và MT chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Y tế

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đánh giá
7	Hệ thống chính trị và an ninh, trật tự xã hội	- Chỉ bộ xóm đạt danh hiệu “trong sạch, vững mạnh”. - Các tổ chức chính trị - xã hội của xóm đạt danh hiệu tiên tiến. - Hoàn thành các chỉ tiêu Quốc phòng và đảm bảo các tiêu chí an ninh, trật tự xã hội, đảm bảo bình yên: Không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Sở Nội vụ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh
8	Chấp hành pháp luật, thực hiện quy ước, hương ước của cộng đồng dân cư	- 100% người dân được phổ biến và chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; các quy định của địa phương; quy ước, hương ước của khu dân cư.	Sở Nội vụ
9	Về sản xuất, kinh doanh	- Có mô hình phát triển sản xuất hiệu quả, người dân tham gia hợp tác xã hoặc liên kết sản xuất hàng hóa, sản phẩm chủ lực của địa phương. - 100% hộ dân sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xóm ký cam kết và thực hiện đúng cam kết: Không lạm dụng hoá chất hoặc sử dụng chất cấm trong sản xuất, kinh doanh. - Không có hộ sản xuất, kinh doanh các mặt hàng vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước.	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và MT, Sở Y tế Sở Công Thương

Ghi chú:

- Ngoài 9 tiêu chí quy định nêu trên, các nội dung khác thực hiện đúng quy định của Bộ tiêu chí về xã xây dựng nông thôn mới.

TRÌNH BÀY NHỮNG GIA ĐÌNH NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí
1	Nhà ở; hàng rào, cổng ngõ; vườn; các công trình phụ trợ và chăn nuôi	Nhà ở: - Nhà ở của hộ gia đình đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng. Đồ đạc được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học; Nhà ở có kiến trúc phù hợp với phong tục, tập quán đặc trưng của địa phương. - Hộ gia đình đã thực hiện chỉnh trang nhà đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động). Hàng rào, cổng ngõ: Hộ gia đình có hàng rào bằng cây xanh, trồng hoa hoặc được xây dựng bằng các loại vật liệu khác; cổng ngõ được xây dựng, cải tạo sạch đẹp, hài hoà với cảnh quan, giữ được nét văn hóa truyền thống. Các công trình phụ trợ: Hộ gia đình có các công trình phụ trợ thuận tiện sinh hoạt, ngăn nắp, hợp vệ sinh; có nơi để dụng cụ sản xuất, thiết bị máy móc và vật tư nông nghiệp an toàn, gọn gàng, đảm bảo vệ sinh môi trường. Vườn hộ: - Tổng diện tích đất vườn còn lại (sau khi sử dụng cho mục đích cần thiết khác) được quy hoạch phù hợp, trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao để tăng thu nhập; đảm bảo cảnh quan đẹp; không có cây tạp, cỏ dại trong vườn. - Nông sản sản xuất tại vườn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Công trình chăn nuôi: - Hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng đủ điều kiện về địa điểm, điều kiện vệ sinh theo quy định.
2	Thu nhập	- Thu nhập bình quân đầu người/năm của Hộ gia đình cao hơn ít nhất là 20% so với thu nhập bình quân đầu người/năm của xã.

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí
3	Văn hóa, giáo dục, y tế	Văn hóa: - Gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa, Gia đình thể thao và thực hiện tốt các nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương VTV Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động (Gia đình không đối nghèo, không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không sinh con thứ 3 trở lên, không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học). - Các thành viên trong gia đình thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các quy định của địa phương và quy ước, hương ước của khu dân cư. - Hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, có ứng xử văn minh, lịch sự; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Giáo dục: Hộ gia đình không có con, em tự ý bỏ học, xếp loại học lực yếu (đối với cấp học có xếp loại); học sinh xếp loại đạo đức khá trở lên, có tham gia phong trào khuyến học của gia đình, dòng họ và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật. Y tế: - Các thành viên trong gia đình có tham gia BHYT, gia đình có tủ thuốc y tế.
4	Môi trường	- Hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định. - Phân loại rác thải ngay từ hộ gia đình (hữu cơ và vô cơ; có túi hoặc thùng ghi rõ loại rác). - Hộ gia đình có hệ thống xử lý tự thấm hoặc mương thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường. Chất thải rắn và nước thải được thu gom, xử lý theo quy định. - Các thành viên trong gia đình có ý thức, tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường, không vứt rác bừa bãi, xác động vật chết ra môi trường. - Hộ gia đình thường xuyên tham gia các hoạt động vệ sinh chung toàn xóm. Ký cam kết và thực hiện đúng cam kết: Không lạm dụng hoá chất hoặc sử dụng chất cấm trong sản xuất, kinh doanh.

Ghi chú:

- Ngoài 4 tiêu chí quy định nêu trên, các nội dung khác thực hiện đúng quy định của tiêu chí về xóm, xã nông thôn mới kiểu mẫu.



HƯỚNG DẪN

**Thực hiện Bộ tiêu chí về xã xây dựng nông thôn mới,
xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2017-2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 15/5/2017
của UBND tỉnh Thái Nguyên)**

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã xây dựng nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu làm cơ sở để đánh giá công nhận đạt từng tiêu chí, xã đạt chuẩn nông thôn mới, và xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Đối tượng áp dụng: Hướng dẫn này áp dụng đối với các xã trên địa bàn tỉnh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Chương II

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ ĐẠT CHUẨN

Điều 2. Tiêu chí quy hoạch (4 điểm)

1. Xã đạt tiêu chí khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu sau:

a) Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn. Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn (2 điểm).

b) Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch (2 điểm).

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu: Quy hoạch chi tiết: Khu trung tâm xã, vùng sản xuất tập trung, nghĩa trang (2 điểm).

Điều 3. Tiêu chí giao thông (8 điểm)

1. Xã đạt tiêu chí giao thông khi đáp ứng đủ 04 yêu cầu:

a) 100% đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (quy mô đường nhựa hoặc bê tông: Chiều rộng nền đường ≥ 5 m (6,5m); chiều rộng mặt đường $\geq 3,5$ m (3,5m), chiều rộng lề đường mỗi bên $\geq 0,75$ m (1,5m); chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT; có các loại biển báo giao thông theo quy định (2 điểm).

b) 100% đường trục xóm và đường liên xóm được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm ($\geq 60\%$ là đường nhựa hoặc bê tông quy mô đường: Chiều rộng nền đường ≥ 4 m (5m); chiều rộng mặt đường ≥ 3 m (3,5 m), chiều rộng lề đường mỗi bên $\geq 0,5$ m (0,75 m), từ 200 m - 300m phải có điểm tránh xe ô tô, chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT) (2 điểm).

c) Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt tỷ lệ 100% ($\geq 65\%$ cứng hóa: Chiều rộng nền đường ≥ 4 m; chiều rộng mặt đường ≥ 2 m, chiều rộng lề đường mỗi bên ≥ 1 m, từ 200 m - 300m phải có điểm tránh xe ô tô, chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT) (2 điểm).

d) Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt tỷ lệ 100% ($\geq 20\%$ cứng hóa: Chiều rộng nền đường ≥ 4 m; chiều rộng mặt đường ≥ 3 m, chiều rộng lề đường mỗi bên $\geq 0,5$ m, từ 200m - 300m phải có điểm tránh xe ô tô, chất lượng đường đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT) (2 điểm).

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu:

Có một tuyến đường kiểu mẫu với quy mô tối thiểu như sau:

Chiều rộng nền đường $\geq 7,5$ m; chiều rộng mặt đường $\geq 6,5$ m; chất lượng đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT. Có các loại biển báo giao thông theo qui định, có cây xanh, cây bóng mát hai bên đường. Ở khu trung tâm cụm xã, đông dân cư, cụm công nghiệp, khu du lịch, danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử của địa phương có vỉa hè lát gạch Blook, mỗi bên rộng 3,5m. (7 điểm).

3. Giải thích từ ngữ:

a) Cứng hóa: Là đường được rải nhựa, rải bê tông, lát bằng gạch, đá xè, rải cấp phối sỏi suối, đá dăm, đá thải, gạch vỡ, gạch xỉ có lu lèn, ...

b) Các loại đường giao thông nông thôn:

- Đường xã, đường trục xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện: Là đường nối từ Trung tâm hành chính xã đến các xóm, Trung tâm hành chính các xã lân cận; đường nối từ đường huyện đến các xóm.

- Đường trục xóm, đường liên xóm: Là đường nối từ xóm đến đường huyện, đường xã, trang trại, xóm lân cận; đường nối từ đường huyện, đường xã đến trang trại, ruộng đồng, nương rẫy, cơ sở sản xuất, chăn nuôi.

- Đường ngõ xóm là đường kết nối từ Cụm dân cư, hộ gia đình đến đường xã, đường xóm, nương rẫy, ruộng đồng, cơ sở sản xuất, chăn nuôi, cụm dân cư, hộ gia đình lân cận.

- Đường trục chính nội đồng là đường chính nối từ khu dân cư đến khu sản xuất tập trung của xóm, xã (trang trại, ruộng đồng, nương rẫy, cơ sở sản xuất, chăn nuôi).

c) Quy mô đường giao thông nông thôn:

- Quy hoạch theo quy định của Bộ Giao thông vận tải: Việc quy hoạch và thiết kế đường giao thông nông thôn căn cứ vào tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) 4054:2005 và Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Về xây dựng giao thông: Các xã phải căn cứ vào khả năng nguồn lực thực tế để xác định công trình ưu tiên, lộ trình thực hiện cho phù hợp. Nếu nguồn lực có hạn thì tập trung hoàn thành cấm mốc nền đường theo quy hoạch, xây dựng mặt đường nhỏ hơn, khi có điều kiện sẽ tiếp tục mở rộng đủ quy hoạch;

- Đối với đường đang sử dụng: Nơi nào mặt đường hẹp, không thể mở rộng theo quy định thì có thể cải tạo, tận dụng tối đa diện tích 2 bên để mở rộng mặt đường, nâng cấp tạo các điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến (đồng thời quy hoạch các bãi đỗ xe để các hộ có xe ô tô có thể gửi xe thuận lợi). Nếu mặt đường đảm bảo 80% theo quy định và đảm bảo các điều kiện trên thì coi là đạt tiêu chí.

- Kích thước nền, lề, mặt đường ghi trong ngoặc đơn áp dụng với các xã trực thuộc thành phố, xã được quy hoạch nâng lên thị trấn hoặc quy hoạch nâng lên phường trực thuộc thị xã.

Điều 4. Tiêu chí thủy lợi (4 điểm)

1. Xã đạt tiêu chí thủy lợi khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu:

a) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên (2 điểm);

b) Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ (2 điểm).

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu:

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 100% (2 điểm).

3. Giải thích từ ngữ:

a) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới nước chủ động xác định theo công thức sau:

$$T_{\text{tưới}} = \frac{S_1}{S} \times 100(\%)$$

Trong đó:

+ $T_{\text{tưới}}$: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động (%).

+ S_1 : Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới bởi công trình thủy lợi (ha).

+ S : Diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch (ha).

S_1, S : Được xác định theo số liệu của năm gần nhất không có thiên tai.

b) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu nước chủ động xác định theo công thức sau:

$$T_{\text{tiêu}} = \frac{F_1}{F} \times 100(\%)$$

Trong đó:

+ $T_{\text{tiêu}}$: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động (%).

+ F_1 : Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp thực tế được tiêu bởi công trình thủy lợi (ha).

+ F : Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp của xã (ha).

F_1, F : Được xác định theo số liệu của năm gần nhất không có thiên tai.

c) Đối với các xã không có công trình thủy lợi nhưng vẫn đảm bảo tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động đạt trên 80% thì vẫn được tính là đạt.

d) Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh:

- Có hệ thống công trình thủy lợi được xây dựng theo quy hoạch và thiết kế được duyệt, được bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên bảo đảm phát huy trên 80% năng lực thiết kế;

- Phục vụ sản xuất trồng trọt, nuôi trồng thủy sản; tạo nguồn để cơ bản đáp ứng yêu cầu nước cho sinh hoạt, chăn nuôi gia súc, gia cầm và hoạt động sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn;

- Có tổ chức (Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác) quản lý khai thác và bảo vệ công trình, đảm bảo kênh mương, cống, kè, đập, bờ bao được vận hành có hiệu quả bền vững, phục vụ cho sản xuất, dân sinh, được đa số người dân hưởng lợi đồng thuận.

e) Đảm bảo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ:

- Có tổ chức bộ máy thực hiện công tác phòng, chống thiên tai được thành lập và kiện toàn theo quy định của pháp luật, có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương.

- Các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh.

- Có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai.

(Chi tiết đánh giá áp dụng theo hướng dẫn của Tổng cục Thủy lợi)

Điều 5. Tiêu chí điện (3 điểm)

1. Xã đạt tiêu chí điện khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu:

a) Có hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của Bộ Công Thương (2 điểm);

b) Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt trên 95% (1 điểm).

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu: Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt trên 100% (Ở các tuyến đường liên xã, liên xóm đông dân cư có hệ thống điện chiếu sáng). (2 điểm).

Giải thích từ ngữ:

a) Hệ thống điện nông thôn bao gồm: Các trạm biến áp phân phối, các tuyến đường dây trung áp, các tuyến đường dây hạ áp, công tơ đo đếm điện năng phục vụ sản xuất và đời sống khu vực nông thôn.

b) Hệ thống điện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật của Bộ Công Thương được hiểu là đảm bảo đáp ứng các nội dung của Quy định kỹ thuật điện nông thôn (viết tắt là QĐKT-ĐNT-2006) ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), cả về xác định phụ tải điện, lưới điện phân phối, trạm biến áp phân phối, đường dây cấp hạ áp, khoảng cách an toàn và hành lang bảo vệ, chất lượng điện áp. Cơ quan quản lý hệ thống điện trên địa bàn xã có trách nhiệm xác định mức độ đạt chuẩn của chỉ tiêu này.

c) Nguồn cấp điện cho nông thôn gồm: Nguồn điện được cấp từ lưới điện quốc gia, hoặc ngoài lưới điện quốc gia. Tại địa bàn chưa được cấp điện lưới quốc gia, tùy vào điều kiện cụ thể của địa phương để xem xét, áp dụng phương tiện phát điện tại chỗ như thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời, diesel hoặc kết hợp các nguồn nói trên.

d) Sử dụng điện thường xuyên là đảm bảo có điện sử dụng hàng ngày.

e) Đảm bảo an toàn về điện khi đạt các quy định trong Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về an toàn điện (QCVN 01:2008/BCT) ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 6. Tiêu chí trường học (4 điểm)

1. Xã đạt tiêu chí trường học khi có tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia từ 70% trở lên (4 điểm).

2. *Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu:* 100 % trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia (2 điểm).

3. *Giải thích từ ngữ:*

a) Đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 01 theo Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia ban hành tại Quyết định số 36/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 01 quy định tại Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

- Trường trung học cơ sở (THCS) đạt chuẩn quốc gia quy định tại Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn quốc gia.

b) Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số trường, điểm trường đạt chuẩn cơ sở vật chất trên tổng số trường, điểm trường của xã.

Điều 7. Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa (6 điểm)

1. *Xã được công nhận đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa khi đáp ứng đủ 03 yêu cầu:*

a) Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (2 điểm).

b) 100% xóm hoặc liên xóm có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (2 điểm).

Trường hợp sử dụng trụ sở xóm, đình làng có trang thiết bị và nội dung hoạt động theo tiêu chuẩn nhà văn hóa thì cũng được công nhận đạt chỉ tiêu này.

c) Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định (điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em) (2 điểm).

2. *Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu:* Nhà văn hóa và khu thể thao của xã, xóm có Quy chế và Kế hoạch hoạt động hiệu quả (có ít nhất 01 loại hình câu lạc bộ hoạt động) thu hút người dân tham gia phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao) (2 điểm).

3. *Giải thích từ ngữ:*

a) Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã:

- Diện tích đất quy hoạch đối với hội trường văn hóa đa năng tối thiểu 300m² (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 200m²); khu thể thao 1.200m² (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 500m²) chưa tính sân vận động.

- Quy mô xây dựng hội trường đa năng tối thiểu 150 chỗ ngồi (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 100 chỗ ngồi), có từ 04 phòng chức năng trở lên;

b) Xây dựng Nhà Văn hóa - Khu Thể thao xóm:

- Diện tích đất quy hoạch đối với nhà văn hóa tối thiểu 200m² (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 100m²); khu thể thao tối thiểu đạt 300m² (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 200m²).

- Quy mô xây dựng nhà văn hóa tối thiểu 80 chỗ ngồi (xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tối thiểu đạt 50 chỗ ngồi).

c) Sử dụng cơ sở vật chất hiện có (*được tính đạt chỉ tiêu của tiêu chí*):

- Đối với các địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí diện tích đất và huy động các nguồn lực để xây dựng mới Trung tâm văn hóa - thể thao xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao xóm thì tạm thời sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như Hội trường, Trung tâm học tập cộng đồng, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa đã xây dựng từ trước, để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

- Một số địa phương có các thiết chế văn hóa truyền thống như Đình làng, nhưng chưa có nhà văn hóa, nếu được sự đồng ý của nhân dân và các đoàn thể địa phương có thể sử dụng thiết chế này tổ chức một số hoạt động văn hóa, thể thao phù hợp.

- Một số xóm có số dân ít, địa giới hành chính gần nhau, được sự đồng thuận của nhân dân có thể tổ chức sinh hoạt văn hóa, thể thao tại một nhà văn hóa liên xóm.

- Về lâu dài các địa phương này cần có lộ trình cụ thể để quy hoạch, đầu tư xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao xóm đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành.

- Các huyện, thành phố, thị xã nghiên cứu áp dụng: Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 5 năm 2014 sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa- Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xác định vị trí, diện tích đất quy hoạch, quy mô xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn phù hợp với các tiêu chí phân theo từng địa phương.

- Diện tích đất quy hoạch xây dựng Trung tâm văn hóa - thể thao xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao xóm được tính gộp là tổng diện tích các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn xã và xóm. Địa điểm công trình văn hóa, thể thao không nhất thiết phải nằm trên cùng một vị trí.

d) Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định:

- Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi được xây dựng tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, được đầu tư trang thiết bị và dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã là thiết chế cộng đồng, là nơi sinh hoạt chung cho mọi người dân đến tham gia kể cả trẻ em và người cao tuổi. Những địa phương chưa có đủ điều kiện để xây dựng tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã một điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao, có thể xây dựng tại cụm xã (3 đến 5 xã) một điểm vui chơi, giải trí và thể thao (*Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030*).

Điều 8. Tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (3 điểm)

1. Chợ đạt chuẩn khi đáp ứng 1 trong 2 yêu cầu:

- a) Xã có chợ trong quy hoạch đạt chuẩn theo quy định (3 điểm).
- b) Xã có nơi mua bán, trao đổi hàng hóa đảm bảo các quy định của pháp luật (2 điểm).

2. Giải thích từ ngữ:

a) Cơ sở hạ tầng thương mại xã nông thôn mới là hạ tầng thương mại được thiết lập tại địa bàn xã, bao gồm chợ nông thôn hoặc cơ sở bán lẻ khác (siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp)

b) Chợ đạt chuẩn theo quy định:

Về công trình kỹ thuật: Có đủ các công trình của chợ nông thôn do xã quản lý (chợ hạng 3) được quy định trong TCVN 9211: 2012 Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế ban hành tại Quyết định số 3621/QĐ-BKHHCN ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia (2 điểm).

Điều hành quản lý chợ:

- Có tổ chức quản lý;
- Có Nội quy chợ do UBND xã quy định và niêm yết công khai để điều hành hoạt động, xử lý vi phạm;
- Có sử dụng cân đối chứng, thiết bị đo lường để người tiêu dùng tự kiểm tra về số lượng, khối lượng hàng hóa;
- Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Đối tượng áp dụng:

- Chợ đạt chuẩn chỉ áp dụng đối với các xã có chợ theo quy hoạch mạng lưới chợ nông thôn được UBND cấp huyện phê duyệt;
- Xã có chợ nhưng không thuộc loại quy hoạch của huyện thì xét theo quy định riêng (nếu có) của UBND cấp huyện.

c) Xã có nơi mua bán, trao đổi hàng hóa đảm bảo các quy định của pháp luật.

Có siêu thị mini, cửa hàng bán buôn, bán lẻ đảm bảo các quy định về an toàn giao thông, trật tự xây dựng, thuế, quản lý thị trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, ...

Điều 9. Tiêu chí Thông tin và Truyền thông (6 điểm)

1. Xã đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông khi đáp ứng đủ 04 yêu cầu:

- a) Xã có điểm phục vụ bưu chính (1,5 điểm).
- b) Xã có dịch vụ viễn thông, internet (1,5 điểm).
- c) Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn (1,5 điểm).
- d) Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành (1,5 điểm).

2. Giải thích từ ngữ:

a) Xã có điểm phục vụ bưu chính là xã có ít nhất 01 (một) điểm phục vụ đáp ứng theo đúng quy định.

b) Xã có dịch vụ viễn thông, Internet khi đảm bảo các điều kiện sau:

- Tất cả các xóm trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại (dịch vụ điện thoại cố định mặt đất, dịch vụ thông tin di động mặt đất) và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet (dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất, dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất) theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

- Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện trên thì trên địa bàn xã phải có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập Internet.

c) Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các xóm:

- Có đài truyền thanh được thiết lập đáp ứng theo quy định.

- Ít nhất 2/3 số xóm trong xã có hệ thống loa hoạt động.

d) Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:

- Về cơ sở vật chất: Xã có máy vi tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức, với hệ số máy vi tính/ số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 0,3.

Cơ quan Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã có máy vi tính kết nối mạng Internet băng thông rộng.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành:

Xã có sử dụng ít nhất một trong các phần mềm ứng dụng sau:

+ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

+ Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước.

+ Hệ thống một cửa điện tử.

+ Cổng/ trang thông tin điện tử (có chức năng phục vụ công tác quản lý, điều hành hoặc cung cấp dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 2 của xã).

Điều 10. Tiêu chí Nhà ở dân cư (4 điểm)

1. Xã được công nhận đạt tiêu chí nhà ở dân cư khi đáp ứng đủ 02 yêu cầu:

a) Trên địa bàn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát (2 điểm);

b) Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng từ 75% trở lên (2 điểm).

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu:

Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng từ 85% trở lên (1 điểm).

3. Giải thích từ ngữ:

a) Nhà tạm, nhà dột nát là loại nhà xây dựng bằng các vật liệu tạm thời, dễ cháy, có niên hạn sử dụng dưới 5 năm hoặc không đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng), thiếu diện tích ở, bếp, nhà vệ sinh theo quy định, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

b) Nhà ở nông thôn đạt chuẩn Bộ Xây dựng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nhà ở đảm bảo “03 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng) và diện tích nhà ở đạt từ 10m²/người trở lên;

+ “Nền cứng” là nền nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: Vữa xi măng - cát, bê tông, gạch lát, gỗ.

+ “Khung cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kể cả móng đỡ. Tùy điều kiện cụ thể, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: Bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch/đá hoặc làm từ gỗ bền chắc; móng làm từ bê tông cốt thép hoặc xây gạch/đá.

+ “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: Bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các tấm lợp có chất lượng tốt như tôn, phi brô xi măng.

+ Tùy điều kiện thực tế, các bộ phận nhà ở có thể làm bằng các loại vật liệu địa phương có chất lượng tương đương, đảm bảo thời hạn sử dụng. Diện tích tối thiểu một căn nhà từ 24m² trở lên. Đối với hộ đơn thân, diện tích tối thiểu một căn nhà từ 18m² trở lên.

- Niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên.

- Các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi ...) phải được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt. Kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của từng dân tộc, vùng miền.

Điều 11. Tiêu chí thu nhập (5 điểm)

1. Xã được công nhận đạt tiêu chí thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 đạt 36 tr.đ/năm trở lên (theo từng năm như sau: Năm 2017 $\geq$ 26 tr.đ/năm; năm 2018 $\geq$ 29 tr.đ/năm, năm 2019 $\geq$ 32 tr.đ/năm; năm 2020 $\geq$ 36 tr.đ/năm) (5 điểm).

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu: Mức thu nhập bình quân đầu người đạt theo từng năm như sau: Năm 2017 $\geq$ 30 tr.đ/năm; năm 2018 $\geq$ 35 tr.đ/năm; năm 2019 $\geq$ 40 tr.đ/năm; năm 2020 $\geq$ 45 tr.đ/năm (2 điểm).

3. Phương pháp tính thu nhập bình quân/người/năm:

a) Thu nhập bình quân đầu người/năm của xã được tính bằng cách chia tổng thu nhập của nhân khẩu thực tế thường trú (NKTTTT) của xã trong năm cho số NKTTTT của xã trong năm.

Công thức:

$$\text{Thu nhập bình quân đầu người/năm của xã} = \frac{\text{Tổng thu nhập của NKTTTT của xã trong năm}}{\text{NKTTTT của xã trong năm}}$$

b) Thu nhập của NKTTTT của xã là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật sau khi trừ chi phí sản xuất mà NKTTTT của xã nhận được trong 1 năm, bao gồm:

+ Thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản;

+ Thu nhập từ sản xuất phi nông, lâm nghiệp, thủy sản;

+ Thu từ tiền công, tiền lương;

+ Thu khác được tính vào thu nhập (được cho, biếu, mừng, giúp từ người không phải là NKTTTT của xã; lãi tiết kiệm; các khoản cứu trợ, hỗ trợ mà hộ trực tiếp nhận được bằng tiền hoặc hiện vật, ...).

Thu nhập của NKTTTT của xã không bao gồm các khoản thu khác không được tính vào thu nhập, như tiền rút tiết kiệm, thu nợ cho vay, bán tài sản, vay nợ, tạm ứng và các khoản chuyển nhượng vốn nhận được do liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh,...

c) Nhân khẩu thực tế thường trú của xã trong năm (tính đến 31/12): Là những người thực tế thường xuyên cư trú tại hộ tính đến thời điểm 31/12 đã được 6 tháng trở lên và những người mới chuyển đến ở ổn định tại hộ, không phân biệt họ đã được đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã đang ở hay chưa; cụ thể NKTTTT tại hộ bao gồm:

- + Người vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ tính đến thời điểm 31/12 đã được 6 tháng trở lên.

- + Người mới chuyển đến ở ổn định tại hộ và những trẻ em mới sinh trước thời điểm 31/12; không phân biệt họ đã có hay không có giấy tờ pháp lý chứng nhận sự di chuyển đó.

- + Người “tạm vắng” bao gồm: Người đi nghỉ hè, nghỉ lễ, đi công tác, đi du lịch, dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, đi chữa bệnh, v.v...; người đang bị tạm giữ; người rời gia đình đi làm ăn ở nơi khác tính đến thời điểm 31/12 chưa đủ 6 tháng (nếu đủ 6 tháng trở lên thì được tính tại nơi đang ở).

d) Phạm vi tính toán

- Chỉ tính thu nhập do NKTTTT của xã tạo ra, bất kể những người này làm việc và sản xuất kinh doanh trong hay ngoài địa bàn xã, không tính thu nhập của người ngoài xã đến làm việc và sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã.

- Không tính vào thu nhập cho NKTTTT của xã: Các khoản tiền hoặc hiện vật được chuyển nhượng, chỉ trả trong nội bộ dân cư của xã, trừ các khoản đã được tính vào chi phí sản xuất. Các khoản thu vào để chi chung của xã như: Thu để đầu tư xây dựng các công trình, thực hiện các chương trình chung; thu vào ngân sách của xã, ... mà hộ không trực tiếp được nhận.

- Thời điểm thu thập số liệu: Số liệu về thu nhập được thu thập và báo cáo trong quý I năm sau năm báo cáo.

- Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu về thu nhập được thu thập trong thời kỳ 1 năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo (Nếu thời kỳ thu thập số liệu không trùng với năm dương lịch thì thu thập số liệu trong 12 tháng qua tính từ thời điểm thu thập trở về trước).

e) Mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã sẽ do xã tự điều tra, thu thập thông tin và tính toán theo hướng dẫn thống nhất của Tổng cục Thống kê. Chi cục Thống kê huyện có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ các xã điều tra, đồng thời thẩm định trình UBND huyện công nhận.

Điều 12. Tiêu chí hộ nghèo (4 điểm)

1. Xã được công nhận đạt tiêu chí hộ nghèo khi có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 của xã (tại thời điểm xét duyệt) ở dưới mức 12% (4 điểm)

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 của xã (tại thời điểm xét duyệt) ở dưới mức 6 % (2 điểm).

Giải thích từ ngữ:

Tỷ lệ hộ nghèo của xã được tính bằng cách chia tổng số hộ nghèo của xã (không bao gồm các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyết định công nhận sau các cuộc điều tra, rà soát định kỳ hằng năm trên địa bàn cho tổng số dân cư trên địa bàn xã (không bao gồm các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội) theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo của xã} = \frac{\text{Tổng số hộ nghèo của xã (đã trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội)}}{\text{Tổng số hộ dân cư của xã (đã trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội)}} \times 100\%$$

Trong đó: Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là hộ có ít nhất một thành viên trong hộ là đối tượng đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật và các thành viên khác trong hộ không có khả năng lao động, qua điều tra, rà soát hằng năm ở cơ sở đáp ứng các tiêu chí về xác định hộ nghèo và được Chủ tịch UBND xã công nhận, phân loại là hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội.

Trường hợp hộ nghèo phát sinh và hộ thoát nghèo của xã trong năm sẽ do xã rà soát, quyết định công nhận theo các nội dung hướng dẫn quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 (hoặc các Thông tư, văn bản sửa đổi, bổ sung khác nếu có) làm căn cứ để xác định mức độ đạt tiêu chí “Hộ nghèo” của xã.

Điều 13. Tiêu chí Lao động có việc làm (4 điểm)

1. Xã được công nhận đạt tiêu chí này khi Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 90% trở lên (4 điểm).

2. Giải thích từ ngữ:

Lao động có việc làm của xã là những người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã, có thời gian làm việc bình quân 20 ngày công/tháng trở lên trong năm cả trong và ngoài địa bàn xã.

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số người có việc làm trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động trên tổng số dân trong độ tuổi lao động có khả năng lao động của xã tại cùng thời điểm (không bao gồm số người tàn tật và học sinh, sinh viên trong độ tuổi lao động nhưng đang đi học).

Điều 14. Tiêu chí Tổ chức sản xuất (4 điểm)

1. Xã được công nhận đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 (3 điểm).

b) Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững (1 điểm).

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu:

a) Sản xuất các sản phẩm chủ lực, doanh thu đạt ≥ 3 tỷ VNĐ, Hợp tác xã phải có tối thiểu 30 thành viên đối với xã thuộc khu vực I; 25 thành viên đối với xã khu vực II; 20 thành viên đối với xã khu vực III (2 điểm).

b) Xã có mô hình cánh đồng mẫu lớn, sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, thực hiện theo chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm được chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm hoặc chứng nhận VietGAP (2 điểm).

3. Giải thích từ ngữ:

a) Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 khi có ít nhất 01 hợp tác xã đạt các yêu cầu như sau:

- Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.
- Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã.
- Kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm tài chính gần nhất, đối với hợp tác xã mới thành lập thì ít nhất có 01 năm tài chính gần nhất có lãi.
- Có số lượng thành viên lớn (chiếm tỷ lệ số lượng thành viên phù hợp với mô hình phát triển).

b) Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực đảm bảo bền vững, thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

- Có hợp đồng thu mua sản phẩm chủ lực trong sản xuất nông nghiệp được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân với doanh nghiệp, thời gian thực hiện hợp đồng ổn định từ 02 năm trở lên.

- Có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở hợp đồng liên kết cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực được ký giữa nông dân, tổ chức đại diện của nông dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Trong đó, doanh nghiệp hoặc tổ chức đại diện của nông dân kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất của nông dân và cung ứng các yếu tố đầu vào, vốn, kỹ thuật để đạt được sản lượng, chất lượng nông sản theo yêu cầu của doanh nghiệp và tổ chức đại diện của nông dân, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực cho nông dân.

- Nông sản chủ lực đảm bảo bền vững (phải phù hợp với quy hoạch hoặc đề án tái cơ cấu của xã) đáp ứng một trong những điều kiện: Có khả năng sản xuất và cung ứng với khối lượng, quy mô đủ lớn, năng lực cạnh tranh cao, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước; có khả năng phát triển, mang tính liên kết, có tiềm năng, lợi thế về tài nguyên và thị trường; có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã) và có tiềm năng mở rộng, có thể kết nối được với các địa phương khác trên phạm vi cả nước; là trung tâm lan tỏa, lôi kéo các ngành nghề khác cùng phát triển, đồng thời là sản phẩm thể hiện tính đặc thù riêng, mang ý nghĩa văn hóa của địa phương hay vùng lãnh thổ; sản phẩm có tính an toàn và thân thiện môi trường.

Điều 15. Tiêu chí Giáo dục và Đào tạo (6 điểm)

1. Xã đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo khi đáp ứng đủ 03 yêu cầu:

a) Đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở (2 điểm).

b) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt từ 80 % trở lên (2 điểm).

c) Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 25 % trở lên (2 điểm).

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu:

a) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) đạt từ 90 % trở lên (0,5 điểm).

b) Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 30 % trở lên (0,5 điểm).

3. Giải thích từ ngữ:

a) Đạt phổ cập giáo dục THCS khi đạt 02 nội dung sau:

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hàng năm đạt từ 90% (xã đặc biệt khó khăn 70%) trở lên (1 điểm);

- Tỷ lệ thanh, thiếu niên từ 15 đến hết 18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS (bao gồm cả hệ bổ túc) từ 90% (xã đặc biệt khó khăn 80%) trở lên (1 điểm).

b) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học bậc trung học phổ thông, bổ túc trung học, học nghề (tại các trung tâm giáo dục thường xuyên hoặc trường dạy nghề) được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số học sinh tiếp tục học trên tổng số học sinh đã tốt nghiệp THCS (2 điểm).

c) Lao động qua đào tạo là lao động trong độ tuổi đã tham gia các khóa bồi dưỡng dạy nghề ngắn hạn hoặc đào tạo dài hạn được cấp chứng chỉ nghề hoặc văn bằng từ trung cấp chuyên môn nghiệp vụ trở lên (2 điểm).

Điều 16. Tiêu chí y tế (5 điểm)

1. Xã được công nhận đạt tiêu chí y tế khi đáp ứng đủ 03 yêu cầu:

a) Có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 85% trở lên (1,5 điểm).

b) Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế (2 điểm).

c) Có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt 26,7 % (1,5 điểm).

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu: Có tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) dưới 20% (1 điểm).

3. Giải thích từ ngữ:

a) Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số người dân trong xã có thẻ Bảo hiểm y tế còn hiệu lực trên tổng số dân trong xã.

Bảo hiểm y tế bao gồm: Bảo hiểm y tế do nhà nước hỗ trợ, bảo hiểm y tế bắt buộc hoặc bảo hiểm y tế tự nguyện.

b) Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế khi đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

c) Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là số trẻ em dưới 5 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp hơn chiều cao trung bình của trẻ cùng nhóm tuổi ($\leq -2SD$) tính bình quân trên 100 trẻ cùng nhóm tuổi trong thời điểm điều tra.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \% SDD} \\ \text{thể thấp còi} \\ \text{(chiều cao} \\ \text{theo tuổi) của} \\ \text{trẻ < 5 tuổi} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng số trẻ < 5 tuổi trong xã có chiều cao theo} \\ \text{tuổi thấp hơn chiều cao trung bình } (\leq -2SD) \text{ của} \\ \text{trẻ cùng nhóm tuổi trong thời điểm điều tra} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số trẻ cùng nhóm tuổi của xã được đo chiều} \\ \text{cao trong cùng thời điểm điều tra} \end{array}} \times 100$$

Điều 17. Tiêu chí văn hóa (3 điểm)

1. Xã được công nhận đạt tiêu chí văn hóa khi có từ 70% số xóm trở lên đạt xóm văn hóa theo quy định.

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu:

- Năm 2017 - 2018 có 70% số xóm đạt xóm văn hóa 02 năm liên tục trở lên; năm 2019-2020 có 70% số xóm đạt xóm văn hóa 03 năm liên tục trở lên (2 điểm).

3. Giải thích từ ngữ:

Việc đánh giá thực hiện xóm đạt tiêu chuẩn văn hóa, áp dụng theo Hướng dẫn số 4688/HD-BVHTTDL ngày 14/11/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Tiêu chí 06 về Cơ sở vật chất văn hóa và Tiêu chí 16 về Văn hóa trong Bộ tiêu quốc gia xây dựng xã nông thôn mới.

Điều 18. Tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm (10 điểm)

1. Xã được công nhận đạt tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm khi đạt được 08 yêu cầu:

a) Có tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt từ 90 % và nước sạch đạt từ 50 % trở lên (1,5 điểm).

b) 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (1 điểm).

- c) Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn (1 điểm).
- d) Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch (1 điểm).
- e) Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định (1 điểm).
- f) 70 % số hộ trên địa bàn xã có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động) (1,5 điểm).
- g) 60 % số hộ chăn nuôi trên địa bàn xã có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (1,5 điểm).
- h) 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (1,5 điểm).

2. Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu cần đạt thêm yêu cầu:

- a) Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch đạt từ 60% trở lên (1 điểm).
- b) Rác thải sinh hoạt được phân loại, xử lý sơ bộ tại hộ gia đình (rác vô cơ, hữu cơ) (1 điểm).
- c) Các đoạn đường liên xóm, liên xã được đăng ký và thực hiện “Đoạn đường xanh, sạch, đẹp” (1 điểm).
- d) Nghĩa trang được xây dựng đảm bảo cảnh quan và môi trường (1 điểm).
- e) 90 % trở lên số hộ trên địa bàn xã có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động) (1 điểm).

3. Giải thích từ ngữ:

- a) Đối với yêu cầu về nước hợp vệ sinh và nước sạch

- Nước hợp vệ sinh: Là nước sử dụng trực tiếp hoặc sau lọc thoả mãn các điều kiện: Trong, không màu, không mùi, không vị. Ngoài ra cần kết hợp với những quan sát theo hướng dẫn dưới đây:

+ Nước máy hợp vệ sinh là nước từ các công trình cấp nước tập trung (tự chảy, bơm dẫn) có hệ thống đường ống cung cấp nước cho nhiều hộ gia đình thoả mãn điều kiện: Trong, không màu, không mùi, không vị.

+ Giếng đào hợp vệ sinh: Giếng đào phải nằm cách nhà tiêu, chuồng gia súc hoặc nguồn gây ô nhiễm khác ít nhất 10m. Thành giếng cao tối thiểu 0,6m được xây bằng gạch, đá và thả ống buy sâu ít nhất 3m kể từ mặt đất. Sân giếng phải làm bằng bê tông hoặc lát gạch, đá, không bị nứt nẻ.

+ Giếng khoan hợp vệ sinh: Giếng khoan phải nằm cách nhà tiêu, chuồng gia súc hoặc nguồn gây ô nhiễm khác. Sân giếng phải làm bằng bê tông hoặc lát gạch, đá, không bị nứt nẻ.

+ Các nguồn nước hợp vệ sinh khác: Nước suối, nước mặt, nước mưa và nước mạch lộ hợp vệ sinh.

Khuyến cáo: Nước mưa thu hứng từ mái fibro xi măng có chất amiăng, khi sử dụng có nguy cơ gây bệnh ung thư do đó khuyến cáo không được dùng cho ăn uống và không được xếp vào loại nước hợp vệ sinh.

- Nước sạch (cũng là nước hợp vệ sinh): Là nước đáp ứng các chỉ tiêu theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt - QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 17/6/2009.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định trên tổng số hộ dân của xã tại cùng thời điểm.

- Việc đánh giá thực hiện tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định, áp dụng theo quy định tại Quyết định của Tổng cục Thủy lợi về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện đánh giá tiêu chí số 3 về Thủy lợi; Chỉ tiêu số 17.1 về Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

b) Các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề được đánh giá thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường khi đảm bảo các điều kiện sau:

- Có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường, bao gồm:

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Báo cáo về các biện pháp bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục I Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, Giấy phép khai thác, xả thải nước thải vào nguồn nước theo quy định (nếu có).

+ Phương án bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết trong các hồ sơ nêu trên về phân loại, xử lý chất thải (nước thải, khí thải và chất thải rắn); nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; ...

- Cơ sở nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo:

+ Không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản;

- 100% các làng nghề trên địa bàn quản lý (nếu có) phải đảm bảo:

+ Có phương án bảo vệ môi trường làng nghề.

+ Có kết cấu hạ tầng bảo đảm thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải theo quy định.

+ Có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường.

c) Cảnh quan, môi trường được đánh giá xanh - sạch - đẹp, an toàn khi đảm bảo các điều kiện sau:

- Các khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan.

- Hồ ao, kênh mương, bờ đê, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ.

d) Việc mai táng được đánh giá phù hợp với quy định và theo quy hoạch khi đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại và Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; Thông tư số 02/2009/TT-BYT ngày 26/5/2009 của Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh trong hoạt động mai táng và hỏa táng.

e) Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được đánh giá là được thu gom, xử lý theo quy định khi đảm bảo các yêu cầu sau:

- Về nước thải:

- + Mỗi khu dân cư tập trung của xóm, xã phải có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng;

- + Có điểm thu gom nước thải và áp dụng biện pháp xử lý nước thải phù hợp trước khi đổ vào các kênh, mương, sông, hồ.

- Về chất thải rắn:

- + Không để xảy ra tình trạng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý môi trường nông nghiệp hết hạn hoặc các vỏ bao bì, dụng cụ đựng các sản phẩm này sau khi sử dụng bị vứt, đổ bừa bãi ra môi trường.

- + Có phương án phù hợp để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến khu xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh, trong đó nêu rõ: Đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển; chủng loại, số lượng phương tiện vận chuyển; cách thức phân loại; tần suất, lịch trình thu gom đối với từng cụm dân cư; vị trí các điểm trung chuyển (nếu có).

- + Điểm tập kết chất thải rắn trong khu dân cư (nếu có) phải đảm bảo hợp vệ sinh.

- + Có Hương ước, quy ước đối với từng khu dân cư với sự tham gia của tất cả các hộ, cơ sở cam kết thực hiện đúng các quy định của địa phương đối với chất thải rắn, nước thải.

f) Hộ gia đình được đánh giá có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch khi đảm bảo các yêu cầu, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

g) Hộ chăn nuôi được đánh giá có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường như sau:

- Nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước;
- Được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;
- Có đủ hồ sơ, thủ tục về BVMT như đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh;
- Chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý; không xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh.

h) Việc đánh giá hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

- Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

- Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2012 của Bộ Y tế quy định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

Điều 19. Tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (7 điểm)

1. Xã đạt tiêu chí Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật khi đáp ứng đủ 06 yêu cầu:

- a) 100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định (1,5 điểm).
- b) Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định (0,5 điểm).
- c) Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh” (1,5 điểm).
- d) 100% tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên (0,5 điểm).
- e) Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định (2 điểm).
- f) Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội (1 điểm).

2. Giải thích từ ngữ:

a) Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể được quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

Công chức xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể được quy định tại Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

b) Hệ thống tổ chức chính trị ở xã (bao gồm: Tổ chức Đảng; chính quyền; tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã) được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền.

c) Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh” theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương tại Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 25/9/2014 về kiểm điểm tập thể, cá nhân và đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên hằng năm.

Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh” theo quy định: khi Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành tốt nhiệm vụ, được HĐND và UBND cấp trên đánh giá, công nhận đạt danh hiệu.

d) Các tổ chức chính trị - xã hội của xã được đánh giá đạt loại khá trở lên khi đảm bảo các yêu cầu và được tổ chức chính trị - xã hội cấp trên đánh giá, công nhận đạt danh hiệu.

e) Xã được đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và các văn bản, thông tư, hướng dẫn có liên quan.

f) Xã được đánh giá đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội, khi đảm bảo các yêu cầu theo Hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể như sau:

- Có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã (bao gồm các chức danh sau đây: Bí thư đảng ủy xã, phó bí thư đảng ủy xã, chủ tịch xã, phó chủ tịch xã, chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch hội đồng nhân dân xã).

- 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ ở vùng dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức.

- Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

- Mỗi tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã.

- Có ít nhất 01 mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng đạt chuẩn.”

Điều 20. Tiêu chí Quốc phòng và An ninh (10 điểm)

1. Xã đạt tiêu chí Quốc phòng và An ninh khi đạt 02 yêu cầu:

a) Đảm bảo xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng (4 điểm).

b) Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: Không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước (6 điểm).

2. Giải thích từ ngữ:

a) Xã được đánh giá xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng khi đảm bảo các yêu cầu theo Hướng dẫn của Bộ Quốc phòng. Cụ thể như sau:

- Xây dựng Ban chỉ huy quân sự và dân quân tự vệ xã:

+ Số lượng cán bộ: Chỉ huy trưởng là thành viên ủy ban nhân dân cấp xã; Chỉ huy phó, Chính trị viên, Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm. Số lượng Chỉ huy phó ở các xã trọng điểm quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật.

+ Trình độ chuyên môn: Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó được đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; đến năm 2020 có 100% cán bộ quân sự cấp xã được đào tạo trình độ trung cấp ngành quân sự cơ sở đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, trình độ cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành quân sự cơ sở đối các xã còn lại. Hằng năm phải được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn.

+ Nơi làm việc của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: Ban Chỉ huy quân sự có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định của pháp luật; cán bộ Ban Chỉ huy quân sự được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Trưởng, Phó Ban Chỉ huy quân sự được hưởng chế độ, chính sách và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của pháp luật.

+ Chỉ bộ quân sự: Xây dựng được chi ủy.

+ Chất lượng chính trị: Tỷ lệ đảng viên trong dân quân đạt từ 18% trở lên; hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong dân quân theo quy định;

+ Thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân thường trực, trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên.

- Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”:

+ Tổ chức xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị: Tổ chức biên chế đơn vị dân quân tự vệ theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 33/2016/TT-BQP ngày 29/3/2016 hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ theo Thông tư số 65/TT-BQP ngày 16/5/2016 của Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn về trang bị, quản lý sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ.

+ Huấn luyện: Hằng năm các đối tượng dân quân được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo nội dung, thời gian, chương trình quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BQP ngày 08/01/2016 của Bộ Quốc phòng.

+ Hoạt động: Thực hiện theo Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 của Chính phủ ban hành quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng.

- Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng:

+ Có đầy đủ các kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 108/2016/TT-BQP ngày 16/7/2016 của Bộ Quốc phòng.

+ Tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hằng năm theo chỉ tiêu Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện giao; không có quân nhân đảo, bỏ ngũ bị kỷ luật tước quân tịch trả về địa phương;

+ 100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ.

+ 100% phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh.

+ Hằng năm tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định của pháp luật.

+ Lập danh sách lực lượng dân quân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn; sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác được giao.

+ Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

+ Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho lực lượng vũ trang và nhân dân, công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội; tổ chức cho dân quân tự vệ, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

b) Xã được đánh giá đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước, khi đảm bảo các yêu cầu theo Hướng dẫn số 07/HD-BCA-V28 ngày 18/11/2016 của Bộ Công an xác định xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; huyện đạt tiêu chí an ninh trật tự xã hội. Cụ thể như sau:

- Hằng năm, Đảng ủy có nghị quyết, ủy ban nhân dân xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật, như: Lôi kéo, tụ tập nhiều người cùng đến các cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hay có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật, môi trường, quản lý sử dụng đất đai... gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; các vụ việc này đã được giải quyết đúng chính sách, pháp luật nhưng vẫn tụ tập khiếu kiện đông người, khiếu kiện không đúng thẩm quyền, vượt cấp trái pháp luật hoặc chưa được giải quyết theo đúng quy định về thời hạn khiếu nại, tố cáo (trước thời điểm đề nghị xét, công nhận từ 12 tháng trở lên).

- Không để xảy ra trọng án trên địa bàn: Không để xảy ra vụ án hình sự về tội phạm quy định tại các điều 93, 95, 96; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại các điều 104, 111, 112, 113, 114, 133, 134, 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước (thời điểm đề nghị công nhận xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên).

- Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự; không thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự.

- Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Công an.

Điều 21. Đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới và xã nông thôn mới kiểu mẫu

a) Xã được công nhận là “xã đạt chuẩn nông thôn mới” khi đạt 19/19 tiêu chí, đạt từ 95 điểm trở lên và có ít nhất một xóm đạt “Xóm nông thôn mới kiểu mẫu”.

b) Xã được công nhận là “xã nông thôn mới kiểu mẫu” là “xã đạt chuẩn nông thôn mới”, đạt từ 130 điểm trở lên và có ít nhất 55% số xóm đạt “Xóm nông thôn mới kiểu mẫu”.

c) Các xã còn lại chỉ đạo xây dựng từ một “Xóm nông thôn mới kiểu mẫu” trở lên.

d) Xóm được công nhận “Xóm nông thôn mới kiểu mẫu” đạt 9 Tiêu chí theo quy định và phải có ít nhất 75% số hộ gia đình đạt “Hộ gia đình nông thôn mới”.

e) Hộ gia đình nông thôn mới đạt 4 Tiêu chí theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu Ban chỉ đạo, UBND tỉnh tổng hợp, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai, tổ chức thực hiện, đánh giá và thẩm định mức độ đạt từng chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

2. Các Sở, Ban, ngành của tỉnh căn cứ vào các văn bản hướng dẫn cụ thể của các Bộ, Ban, ngành Trung ương và phạm vi quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị, ngành liên quan hướng dẫn việc thực hiện, đánh giá và thẩm định mức độ đạt từng chỉ tiêu, tiêu chí đơn vị được giao phụ trách theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

3. UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hướng dẫn các xã triển khai thực hiện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh giai đoạn 2017–2020; Xóm nông thôn mới kiểu mẫu, Hộ gia đình nông thôn mới.

Hàng năm các huyện, thị xã, thành phố rà soát, đánh giá tiêu chí của các xã, ban hành Quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiêu chí trước ngày 20/12 hàng năm (theo mẫu số 01, 02 phần phụ lục kèm theo).

Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thẩm định và Quyết định công nhận danh hiệu Xóm nông thôn mới kiểu mẫu.

4. UBND, Ban chỉ đạo nông thôn mới các xã:

Căn cứ quy định của tỉnh, điều kiện cụ thể của địa phương, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai, tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh, giai đoạn 2017 – 2020; Xóm nông thôn mới kiểu mẫu, Hộ gia đình nông thôn mới (Tiêu chí theo mẫu số: 04, 05 kèm theo) đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Hàng năm rà soát, đánh giá mức độ đạt của từng tiêu chí theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh, giai đoạn 2017 – 2020 (theo mẫu số 01 phần phụ lục kèm theo), có trách nhiệm tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được trong thời gian tiếp theo.

Đăng ký đạt chuẩn, chuẩn bị hồ sơ phục vụ cho công tác thẩm tra, thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm (theo mẫu số 03 phần phụ lục kèm theo).

Chủ tịch UBND xã Quyết định công nhận danh hiệu Hộ gia đình nông thôn mới từ kết quả bình xét của cộng đồng dân cư (xóm).

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thái Nguyên và các tổ chức thành viên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp và tham gia giám sát việc thực hiện Bộ tiêu chí này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc thay đổi, các Sở, Ban, ngành và các địa phương phản ánh về Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh để tổng hợp, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /